

Tiếng Việt trong quá trình hội nhập, phát triển và vấn đề giáo dục ngôn ngữ cho sinh viên

Chu Thị Lộc An*, Trần Thị Kim Thu*

*Trường Đại học Khánh Hòa

Received: 26/11/2024; Accepted: 02/12/2024; Published: 9/12/2024

Abstract: Vietnamese is increasingly developing and asserting its position in the context of international integration. However, besides that, Vietnamese has some negative manifestations through communication in the social life of a group of young people including students. To contribute to promoting the development of Vietnamese, educational and training institutions need to attach importance to language education for students.

Keywords: Vietnamese, language education for students.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ xuất hiện cùng với sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người. Con người sử dụng ngôn ngữ làm phương tiện giao tiếp. Không những vậy, ngôn ngữ còn là phương tiện phát triển tư duy, truyền đạt văn hóa - lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác. Xã hội ngày càng phát triển, sự giao lưu văn hóa xã hội giữa các đất nước ngày càng được mở rộng. Tiếng Việt theo đó ngày càng phát triển và đã có một vị thế nhất định trên thế giới. Tuy nhiên, tiếng Việt cũng đang bộc lộ một số biểu hiện tiêu cực qua giao tiếp trong đời sống xã hội của một bộ phận giới trẻ, trong đó có SV. SV là một trong đối tượng đóng vai trò rất quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt, vì vậy việc giáo dục ngôn ngữ cho SV hiện nay là một vấn đề rất cần thiết và quan trọng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vị thế của tiếng Việt trong bối cảnh hội nhập và phát triển

Xu thế hội nhập và toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều cơ hội cho tiếng Việt phát triển. Tiếng Việt trở thành ngôn ngữ chính thức của thành phố Francisco (Mỹ). Ngoài ra, ở một số thành phố lớn khác của Mỹ, tiếng Việt cũng được sử dụng để giao tiếp trong một số dịch vụ công như phiên dịch, y tế, dịch vụ xã hội... Mặt khác, nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa tiếng Việt với tư cách là một ngoại ngữ vào chương trình giáo dục các cấp. Bộ môn Tiếng Việt đã có trong chương trình giáo dục đại học của một số trường đại học thuộc các quốc gia như Hàn Quốc, Ý, Nga, Pháp, Nhật Bản... Tiếng Việt là ngôn ngữ tự chọn đã đưa vào giảng dạy chính thức trong các trường phổ thông tại Đài Loan (Trung Quốc)[4].

Có thể khẳng định rằng, việc một số quốc gia coi

tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức hay đưa tiếng Việt vào giảng dạy trong các trường học chứng tỏ tiếng Việt đang từng bước khẳng định vị thế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Một số biểu hiện tiêu cực của tiếng Việt trong đời sống xã hội hiện nay

Tiếng Việt trên đà phát triển và khẳng định vị thế trên trường quốc tế thì cũng đang có nhiều biểu hiện tiêu cực trong giao tiếp xã hội. Trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là khi giao tiếp trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Tiktok, Zalo, Instagram... rất nhiều người, đặc biệt là giới trẻ, trong đó có SV đã cố tình bỏ qua các nguyên tắc, chuẩn mực sử dụng tiếng Việt vì thế đã làm cho tiếng Việt có biểu hiện lai căng, biến dạng, ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển và sự trong sáng của tiếng Việt.

- Hiện tượng giản lược, thay thế, biến đổi âm, chữ tiếng Việt.

Thay vì dùng đúng từ ngữ tiếng Việt để giao tiếp, nhiều người, đặc biệt là giới trẻ khi giao tiếp hàng ngày và trên các nền tảng mạng xã hội đã cố tình giản lược từ ngữ (lược bớt âm, chữ) hoặc thay thế bằng các âm, chữ khác. Đơn cử một số biểu hiện sau:

+ Thay nguyên âm đôi bằng nguyên âm đơn, cũng có thể nói cách khác là lược bớt một âm (uô thay bằng u, iê thay bằng i), thay thế các nguyên âm (ơ, ô được thay bằng u, ô được thay bằng o).. Chẳng hạn như lun (luôn), trui (trời), bít (biết), hui (hiểu)...

+ Thay thế âm đầu hoặc âm cuối một cách tự do làm cho từ ngữ bị thay đổi về hình thức cấu tạo và vô ngữ âm. Chẳng hạn như pé (bé), chuk (chúc), pà (bà), wen (quen), gòi (rời)...

+ Vừa lược âm, vừa thay thế âm/chữ: một số từ được lược bớt âm và thay vào đó âm/chữ khác.

Chẳng hạn: chok (chồng), wen (quen), iu (yêu)...

+ Dùng chữ cái thay thế dấu thanh. Chẳng hạn: aj (a), ah (à), chj (chị)...

- Hiện tượng viết tắt tự do, phi nguyên tắc.

Với mục đích giao tiếp nhanh gọn, rất nhiều người, đặc biệt là giới trẻ khi giao tiếp trên các kênh mạng xã hội đã chủ ý viết tắt một cách tự do, phi nguyên tắc mà những người chuẩn mực trong giao tiếp khó mà hiểu được nội dung của họ. Đơn cử như: ck (chồng), vk (vợ), kg (không), nh (nhưng), đg (đúng), vs (với), ms (mới), bn (bạn), ô (ông)... Đáng rằng, cách viết tắt như bảng thống kê trên chỉ được sử dụng với một nhóm người, ở một số phương diện nhất định nhưng điều đó chứng tỏ người sử dụng hoặc không nắm hoặc cố tình làm trái quy ước của cộng đồng về cách viết tắt tiếng Việt. Nếu cách viết tắt tự do này được duy trì sẽ phá vỡ tính hệ thống và chặt chẽ trong quy định về sử dụng tiếng Việt và từ đó ảnh hưởng đến sự trong sáng và phát triển của tiếng Việt.

- Hiện tượng sử dụng từ tiếng Anh thay thế cho tiếng Việt trong quá trình giao tiếp.

Thế hệ trẻ hiện nay đang sử dụng rất nhiều từ ngữ tiếng Anh thay thế cho từ tiếng Việt vì họ cho rằng như thế nói sẽ gọn, nhanh, sành điệu. Đó là hàng loạt từ ngữ như: style, team, decor, demo, group, happy, edit, time, deadline, check, check in, check out, feedback, hot boy, hot girl, show, menu, off, date, fan, cool, relax, trend, order, flex, view, bill, sale, ship, cancel, drama, review,... Cần thấy rằng, việc lạm dụng tiếng Anh thay thế tiếng Việt như thế này, một mặt làm cho người sử dụng dần quên nghĩa của từ tiếng Việt, từ đó vô hình chung làm cho vốn từ vựng tiếng Việt của bản thân người dùng nghèo nàn đi. Mặt khác, một thời điểm nào đó các thế hệ sau này sẽ không còn biết rằng tiếng Việt vốn có những từ ngữ như vậy. Và dần dần, vốn từ vựng tiếng Việt sẽ không những không phát triển mà còn có nguy cơ rơi rụng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ chung - ngôn ngữ quốc tế là rất cần thiết và quan trọng. Nhưng bên cạnh học ngoại ngữ chúng ta vẫn phải luôn đặt ưu tiên cho ngôn ngữ mẹ đẻ. Học và sử dụng tốt ngôn ngữ mẹ đẻ giúp ta hiểu được văn hóa của dân tộc, đồng thời cũng là một hình thức để ta thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc.

- Hiện tượng tạo tiếng lóng, lối nói ví von

Tiếng lóng là loại ngôn ngữ chỉ cốt nói cho một nhóm người biết, những người khác không thể biết được. Trên các kênh giao tiếp thông qua các nền tảng

mạng xã hội, xuất hiện nhiều tiếng lóng và trở thành một trào lưu của giới trẻ. Chẳng hạn như: chảnh, vãi, em gái mưa, bánh bèo, u là trời, ét ô ét, trà xanh, ú ồa, xu cà na... Những tiếng lóng này, chẳng những không phát huy được tính biểu cảm, giàu hình ảnh của tiếng Việt mà còn làm ảnh hưởng đến sự trong sáng của ngôn ngữ thuần Việt.

Tạo ra những lối nói ví von cũng là một hiện tượng khá phổ biến trong giao tiếp của giới trẻ hiện nay. Đó là những lối nói ví von kiểu như: buồn như con chuồn chuồn, chán như con gián, phê như con tê tê, hồ báo trường mẫu giáo, ăn chơi không sợ mưa rơi, các kiểu con đà điểu, nhục như con cá nục, tào lao bí đao... Thoạt nhìn, những lối này có đáng đáp như thành ngữ. Thực ra chỉ là những tổ hợp từ được người nói lắp ghép, liên kết về mặt hiệp vần bằng ngôn từ hàng ngày chứ không phải là thành ngữ mẫu mực giàu tính biểu trưng. Chúng nghe có vẻ xuôi tai, vui tai nhưng không tạo ra được giá trị biểu cảm, hàm súc, sinh động trong quá trình giao tiếp.

- Hiện tượng pha trộn ngôn ngữ nước ngoài vào khi giao tiếp bằng tiếng Việt

Các kiểu phát ngôn tiếng Việt được pha trộn từ ngữ tiếng Anh: Tớ rất like cậu, Tôi gato với bạn, Cuối tuần, cả nhà relax, Em bé siêu cute, View đẹp quá, Oppa của tớ rất đẹp trai, Quá chuẩn you oi. Ok tình yêu... xuất hiện tràn lan trên các nền tảng mạng xã hội và trong giao tiếp hàng ngày của rất nhiều bạn trẻ. Có thể người sử dụng cho rằng pha lẫn từ ngữ nước ngoài vào trong lời nói tiếng Việt chứng tỏ mình là người "sành điệu". Nhưng thực ra đây là biểu hiện về sự lai căng, pha trộn ngôn ngữ vô tổ chức làm biến dạng ngôn ngữ thuần Việt, phá vỡ quy tắc vận hành tiếng Việt đã được cộng đồng sử dụng tiếng Việt đề ra và thừa nhận.

2.3. Vấn đề giáo dục ngôn ngữ cho SV

Khi được hỏi lí do tại sao khi giao tiếp lại có hiện tượng sử dụng tiếng Việt theo kiểu biến âm, giản lược, viết tắt, chêm xen ngôn ngữ nước ngoài, đặc biệt là tiếng Anh, SV cho biết: Giao tiếp như vậy để tiết kiệm thời gian, tạo không khí thân thiện và cảm thấy mình sành điệu hơn. Điều này cho thấy, chỉ vì những mục đích cá nhân mà SV đã không nhận ra rằng, nếu giao tiếp kiểu như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự trong sáng và quá trình phát triển của tiếng Việt. Tiếng Việt cần được sử dụng đúng chuẩn về phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản. Chuẩn đó là những quy ước, quy định đã được cộng đồng người Việt đặt ra và thừa nhận. Không chỉ dùng đúng tiếng Việt mà còn phải biết phát huy và

lan tỏa những giá trị tốt đẹp của tiếng Việt, có như thế tiếng Việt mới trường tồn.

Để ngăn cản những biểu hiện sử dụng tiếng Việt lệch lạc của giới trẻ, công tác giáo dục ngôn ngữ cho học sinh, SV là trách nhiệm của trường học các cấp. Đối với các cơ sở giáo dục đại học, cần đặt ra một số nội dung sau:

Thứ nhất, đối với bản thân SV, cần nhận thức được tầm quan trọng của ngôn ngữ mẹ đẻ đối với việc giữ gìn, phát triển văn hóa dân tộc đồng nghĩa với việc bảo vệ và phát triển đất nước. Từ đó, có ý thức tuân thủ các quy tắc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. Trong quá trình học tập và làm việc, tùy thuộc vào môi trường, yêu cầu của thực tế mà lựa chọn giao tiếp bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ cho phù hợp; cần nghiêm túc loại bỏ cách sử dụng tiếng Việt một cách tùy tiện, cầu thả làm mai một vốn từ của chính mình và ảnh hưởng đến ngôn ngữ dân tộc.

Thứ hai, đối với các cơ sở đào tạo, cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục SV ý thức sử dụng, gìn giữ và phát triển tiếng Việt và chú trọng công tác đào tạo kỹ năng ngôn ngữ nói chung và kỹ năng tiếng Việt nói riêng cho SV. Cần bổ sung các học phần về tiếng Việt, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong các chương trình đào tạo. Trong quá trình tổ chức dạy học các học phần, giảng viên cần tăng cường giáo dục và rèn luyện kỹ năng tiếng Việt (bao gồm cả kỹ năng nói và viết) thông qua các hình thức, phương pháp dạy học như thảo luận, thuyết trình, phản biện; các hình thức kiểm tra đánh giá như vấn đáp, tự luận, tiểu luận...

Thông qua các tổ chức, đoàn thể, nhà trường cần duy trì và tăng cường tổ chức các cuộc thi và các hoạt động ngoại khóa hướng đến việc giáo dục người học về văn hóa giao tiếp, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, thái độ trân quý, tự hào về các giá trị văn hóa của dân tộc.

Ngoài ra, thầy cô giáo cần làm gương trong nói, viết bằng tiếng Việt một cách chuẩn mực. Trong môi trường giảng dạy, giao tiếp bằng tiếng Việt, ngoài các thuật ngữ chuyên môn liên quan đến ngoại ngữ, thầy cô cần chín chắn, mẫu mực trong lời giảng của mình, tránh tùy tiện chêm xen ngôn ngữ nước ngoài không cần thiết vào trong lời giảng bài. Ngược lại, khi dạy - học ngoại ngữ, người dạy phải đặt người học trong môi trường giao tiếp bằng ngoại ngữ, tránh tạo cho người học thói quen chêm xen tiếng Việt trong quá trình học. Giảng viên cần chú ý rèn luyện kỹ năng

ngôn ngữ tiếng Việt (viết và nói) cho SV thông qua các môn học.

Thứ ba, đối với cộng đồng xã hội, cần nâng cao ý thức và trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, phát huy sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt. Tuyệt đối không cố xúi cho những hiện tượng, trào lưu sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt tùy tiện, lai căng. Các cơ quan thông tấn, truyền thông cần kịp thời phát hiện và phê phán những hành vi sử dụng tiếng Việt lệch chuẩn, không phù hợp để nhân dân biết và né tránh; đồng thời, tích cực tuyên truyền về sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt. Các nhà quản lý, điều hành các trang mạng xã hội cần tăng cường hơn nữa sự kiểm soát các hành vi thiếu chuẩn mực, thiếu văn hóa của các cá nhân khi đăng tải các thông tin, bài viết bằng tiếng Việt trên các trang cá nhân. Với những tổ chức, cá nhân có tầm ảnh hưởng lớn đến công chúng cần cẩn thận, nghiêm túc khi phát ngôn, nêu gương trong việc sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn để lan tỏa những giá trị tốt đẹp của ngôn ngữ dân tộc tới mọi người.

3. Kết luận

Tiếng Việt là ngôn ngữ hay, đẹp và phong phú, thể hiện bề dày văn hóa của dân tộc. Tiếng Việt đang ngày càng phát triển và đã có một vị thế nhất định trên thế giới. Mỗi người dân Việt Nam cần có tình yêu, lòng quý trọng, sự tự hào về tiếng Việt – ngôn ngữ mẹ đẻ của dân tộc; có ý thức sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, không ngừng phát huy các giá trị đẹp đẽ của nó. SV là thế hệ trẻ có vai trò và trách nhiệm rất lớn trong việc giữ gìn, phát triển và lan tỏa những giá trị tốt đẹp của tiếng Việt. Vì vậy, công tác giáo dục ngôn ngữ cho SV là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chu Thị Lôc An (2024), *Ngôn ngữ trong đời sống hiện đại và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt*, Hội thảo Khoa học Trường Đại học Khánh Hòa.
- [2]. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Ông Triều (2023), *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong bối cảnh toàn cầu hóa*, truy xuất từ <https://www.tuyengiao.vn/giu-gin-su-trong-sang-cua-tieng-viet-trong-boi-can-h-toan-cau-hoa-148975>
- [4] <https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/bai-5-nang-tam-vi-the-cua-tieng-viet-trong-boi-can-hoi-nhap-671629.html>, truy xuất ngày 01/10/2024